

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành theo Quyết định số: 1225/QĐ-ĐHNCT ngày 16 tháng 12 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo : Đại học hệ chính quy
Ngành đào tạo : NGÔN NGỮ ANH
Mã số : 7220201

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh là những công dân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ tiếng Anh.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	English Studies
Mã ngành đào tạo	7220201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	134
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4

Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 134 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành các học phần điều kiện.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Phiên dịch, biên dịch viên của các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức trong và ngoài nước. - Cán bộ ngoại giao – Bộ Ngoại giao. - Cán bộ đối ngoại – Vụ/Phòng hợp tác quốc tế - Các Bộ, Ban, Ngành cấp Trung ương và địa phương. - Thư ký/Trợ lý Giám đốc tại các doanh nghiệp nước ngoài hoặc doanh nghiệp trong nước. - Cán bộ chương trình, dự án của các Tổ chức quốc tế. - Hướng dẫn viên du lịch, cộng tác viên, nhân viên làm việc tại các sở văn hóa, di tích, viện bảo tàng. - Chuyên viên ngành xuất bản, truyền thông. - Giáo viên tiếng Anh tại một số đơn vị đào tạo ngoại ngữ.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Ngôn ngữ Anh các trường: Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tây Đô, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Mae Fah Luang (Thái Lan) và Trường Đại học Mở Malaysia.
Thời gian cập nhật	2023

1.3. Mục tiêu

1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn

về kiến thức và học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp bản thân.

- Đào tạo nhân lực đủ năng lực làm việc tại các cơ quan, các Trường, các Viện nghiên cứu và các công ty liên quan có sử dụng tiếng Anh trong các công tác chuyên môn.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

M1 Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh trong đời sống và trong môi trường làm việc.

M2 Hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh chuyên sâu từ đó phát triển năng lực làm việc chuyên môn.

M3 Phát triển kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm từ xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

M4 Thực hiện được các nhiệm vụ chuyên môn sử dụng tiếng Anh, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc.

M5 Phát triển được năng lực tổ chức, điều hành, quản trị môi trường làm việc.

M6 Hình thành được năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng trong đời sống và hỗ trợ được những người xung quanh, giúp cải thiện đời sống xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng
Giáo dục đại cương	23	4	27
Giáo dục chuyên nghiệp			107
<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	50		50
<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	41	16	57
Tổng			134

4. Đối tượng tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành và xét tuyển trong cả nước.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo **Điều 14 của Quy chế đào tạo trình độ đại học**, ban hành kèm theo Thông

tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đạt trình độ ngoại ngữ và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 27 TC

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
A	Lý luận chính trị		11			
1	0101000889	Triết học Mác – Lê Nin	3	3		BB
2	0101000641	Kinh tế chính trị	2	2		BB
3	0101000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
4	0101000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	0101000869	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		BB
B	Khoa học xã hội và nhân văn		2+4			
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	0101000881	Logic học đại cương	2	2		TC
8	0101000595	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		TC
9	0101000903	Xã hội học đại cương	2	2		TC
10	0101001799	Văn bản lưu trữ học đại cương	2	2		TC
C	Ngoại ngữ		7			
11	0101001605	Pháp văn 1	3	2	1	BB
12	0101001679	Pháp văn 2	2	1	1	BB
13	0101001689	Pháp văn 3	2	1	1	BB
D	Tin học		3			
14	0101000896	Tin học căn bản	3	2	1	BB
E	Giáo dục thể chất		3			
15	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
16	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK
17	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
F	Giáo dục quốc phòng		8			
18	0101000871	Giáo dục quốc phòng (*)	8			ĐK

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

6.2 Kiến thức cơ sở ngành: 50 TC

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
1	0101001606	Ngữ pháp 1	2	2		BB
2	0101001607	Đọc 1	3	2	1	BB
3	0101001608	Viết 1	3	2	1	BB
4	0101001609	Ngữ âm TH 1	2	1	1	BB
5	0101001604	Nghe nói 1	3	2	1	BB
6	0101001680	Ngữ pháp 2	3	3		BB
7	0101001681	Đọc 2	3	2	1	BB
8	0101001682	Viết 2	3	2	1	BB
9	0101001684	Ngữ âm TH 2	2	1	1	BB
10	0101001610	Nghe nói 2	3	2	1	BB
11	0101001691	Ngữ pháp 3	3	3		BB
12	0101001692	Đọc 3	3	2	1	BB
13	0101001693	Viết 3	3	2	1	BB
14	0101001694	Ngữ âm TH 3	2	1	1	BB
15	0101001685	Nghe nói 3	3	2	1	BB
16	0101001732	Đọc 4	3	2	1	BB
17	0101001733	Viết 4	3	2	1	BB
18	0101001734	Nghe nói 4	3	2	1	BB

6.3 Kiến thức chuyên ngành: 57 TC

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
Học phần bắt buộc 41 TC						
1	0101001859	Dẫn luận văn chương	3	3		BB
2	0101001853	Truyền thông	2	1	1	BB
3	0101001695	Dẫn luận ngôn ngữ	3	3		BB
4	0101001851	Từ pháp học	2	1	1	BB
5	0101001858	Cú pháp học	2	1	1	BB
6	0101001997	Ngữ nghĩa học	2	1	1	BB
7	0101001998	Âm vị học	2	1	1	BB
8	0101001852	Ngữ dụng học	2	1	1	BB
9	0101001690	Lý thuyết dịch	3	3		BB
10	0101001735	Biên dịch 1	2	1	1	BB
11	0101001856	Biên dịch 2	2	1	1	BB
12	0101001736	Phiên dịch 1	2	1	1	BB
13	0101001857	Phiên dịch 2	2	1	1	BB

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
14	0101000123	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	3	2	1	BB
15	0101001687	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	1	1	BB
16	0101001854	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	2		BB
17	0101001855	Thực tế ngoài trường	1		1	BB
18	0101002362	Thực tập tốt nghiệp	4		4	BB
Học phần tự chọn 16 TC						
19	0101002003	Giao tiếp liên văn hóa	2	1	1	TC
20	0101002067	Phân tích diễn ngôn	2	1	1	TC
21	0101002002	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	2		TC
22	0101002353	Biên dịch nâng cao	2	1	1	TC
23	0101002354	Phiên dịch nâng cao	2	1	1	TC
24	0101002355	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	2	1	1	TC
25	0101002356	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	2	1	1	TC
26	0101002357	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1	TC
27	0101002358	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	2	1	1	TC
28	0101002005	Tiếng Anh thương mại	2	1	1	TC
29	0101002359	Tiếng Anh báo chí	2	1	1	TC
30	0101002360	Tiếng Anh marketing	2	1	1	TC
31	0101002361	Tiếng Anh du lịch – nhà hàng	2	1	1	TC
32	0101002062	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4	TC
33	0101002063	Khóa luận tốt nghiệp	8		8	TC

7. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ 1

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tin học căn bản	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 1	3	60	2	30	1	30
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Triết học Mác – Lê Nin	3	45	3	45		
5	Ngữ pháp 1	2	30	2	30		

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
6	Viết 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục Quốc phòng	8	180	4	60	4	120
8	Giáo dục thể chất 1	1	30			1	30
	Cộng	16					

Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Ngữ pháp 2	3	45	3	45		
2	Đọc 1	3	60	2	30	1	30
3	Viết 2	3	60	2	30	1	30
4	Ngữ âm TH 1	2	45	1	15	1	30
5	Nghe nói 2	3	60	2	30	1	30
6	Pháp văn 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục thể chất 2	1	30			1	30
	Cộng	17					

Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
3	Pháp văn 2	2	45	1	15	1	30
4	Đọc 2	3	60	2	30	1	30
5	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	45	1	15	1	30
6	Ngữ âm TH 2	2	45	1	15	1	30
7	Nghe nói 3	3	60	2	30	1	30
8	Giáo dục thể chất 3	1	30			1	30
	Cộng	16					

Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45	3	45		
2	Lý thuyết dịch	3	45	3	45		
3	Ngữ pháp 3	3	45	3	45		
4	Đọc 3	3	60	2	30	1	30
5	Viết 3	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 3	2	45	1	15	1	30
7	Pháp văn 3	2	45	1	15	1	30
	Cộng	19					

Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Âm vị học	2	45	1	15	1	30
2	Đọc 4	3	60	2	30	1	30
3	Nghe nói 4	3	60	2	30	1	30
4	Biên dịch 1	2	45	1	15	1	30
5	Phiên dịch 1	2	45	1	15	1	30
6	Viết 4	3	60	2	30	1	30

Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần

7	Logic học đại cương	2	30	2	30		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	2	30		
	Xã hội học đại cương	2	30	2	30		
	Văn bản lưu trữ học đại cương	2	30	2	30		
	Cộng	19					

Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30		
2	Ngữ nghĩa học	2	45	1	15	1	30
3	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	30	2	30		
4	Từ pháp học	2	45	1	15	1	30

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
5	Biên dịch 2	2	45	1	15	1	30
6	Phiên dịch 2	2	45	1	15	1	30
7	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	3	60	2	30	1	30
8	Truyền thông	2	45	1	15	1	30
9	Thực tế ngoài trường	1	60			2	60
	Cộng	18					

Học kỳ 7

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
2	Dẫn luận văn chương	3	45	3	45		
3	Cú pháp học	2	45	1	15	1	30
4	Ngữ dụng học	2	45	1	15	1	30

Sinh viên chọn 4 trong 10 học phần

5	Giao tiếp liên văn hóa	2	45	1	15	1	30
	Phân tích diễn ngôn	2	45	1	15	1	30
	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	30	2	30		
	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	30	1	15	1	30
	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	2	45	1	15	1	15
	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	2	45	1	15	1	30
	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch nâng cao	2	45	1	15	1	30
	Phiên dịch nâng cao	2	45	1	15	1	30
	Cộng	17					

Học kỳ 8

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Thực tập tốt nghiệp	4	120			4	120
2	Đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp						
	Luận văn tốt nghiệp	8	240			8	240
	Tổng	12					
3	Đối với sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp						
	Tiểu luận tốt nghiệp	4	120			4	120
	<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần</i>						
	Tiếng Anh thương mại	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh báo chí	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh marketing	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh du lịch – nhà hàng	2	45	1	15	1	30
Tổng	12						

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

8.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại

lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.3. Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:


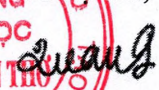
- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Thư viện truyền thống được liên kết với nguồn cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ cho việc nghiên cứu học tập.

- Hệ thống phòng lab trang bị các thiết bị nghe nhìn phục vụ cho việc phát triển năng lực ngoại ngữ.

- Hội trường với các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập chuyên môn, thuyết trình, tổ chức sự kiện và các hoạt động đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.

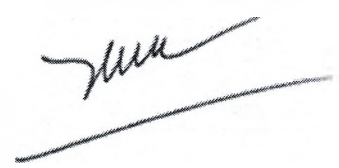
**Hiệu trưởng**
(Viết rõ họ tên, đóng dấu)

TS. NGUYỄN VĂN QUANG

Phòng Quản lý Đào tạo



THS. LÝ MẾN TẸN

Khoa Ngoại ngữ



TS. TRẦN THỊ THÙY